

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**Bản án số: 61/2020/HS-ST.
Ngày: 11/8/2020.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Bảy và ông Trịnh Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Thông báo hoãn phiên tòa hình sự số: 09/2020/TB-TA, ngày 27/7/2020, đối với bị cáo:

Phan Ngọc V, sinh năm 1992 tại Tiền Giang;

Nơi ĐKNKTT: Ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Hòa Tây, huyện T. P, tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: Thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phan Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966;

Có vợ tên: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1997; Có 01 người con sinh năm 2019;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”;
(Có mặt)

*** Bị hại:** Vợ chồng: bà Huỳnh Ngọc Như U, sinh năm 2000 và ông Phan Đình C, sinh năm 1997 - Nơi cư trú: Thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 24/3/2020, khi đi ngang qua tiệm tạp hóa của vợ chồng bà Huỳnh Ngọc Như U – ông Phan Đình C tại thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, bị cáo Phan Ngọc V thấy tiệm khóa cửa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Vì trước đó vào ngày 10/3/2020, bị cáo V đến tiệm để mua đồ thì thấy 02 chìa khóa treo trước cửa nên bị cáo V lén lút lấy 02 chìa khóa trên mang ra chợ cắt 02 chìa khóa mới rồi quay lại bỏ 02 chiếc chìa khóa về chỗ cũ, còn 02 chìa khóa mới cắt được thì bị cáo V đem cắt, đợi sau này vợ chồng bà U sở hữ thì dùng để mở khóa trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định trên, bị cáo V về nhà lấy chìa khóa đã làm sẵn trước đó, đeo bao tay, đội nón kết, đeo khẩu trang che mặt và mặc váy chống nắng của phụ nữ điều khiển xe mô tô chạy đến rẫy thanh long gần nhà bà U cắt giấu xe, sau đó đi đến nhà bà U dùng chìa khóa mở cửa. Khi đang tìm kiếm tài sản để chiếm đoạt thì nghe có tiếng người gọi bên ngoài, do sợ nên bị cáo V đi ra phía cửa sau thì phát hiện 01 giỏ xách để dưới nền nhà nên chiếm đoạt. Sau đó, đến ngày 27/3/2020, bị cáo V nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên tự nguyện đến Cơ quan CSĐT – Công an thị xã L để tự thú.

Về tài sản chiếm đoạt: Theo lời trình bày của bị cáo V thì sau khi chiếm đoạt được giỏ xách, bị cáo xem bên trong thì thấy có tiền Việt Nam đồng với nhiều mệnh giá khác nhau từ 1000 đồng đến 500.000 đồng và nhiều card điện thoại nhưng không kiểm đếm là có giá trị bao nhiêu. Sau đó, bị cáo V lấy 1.200.000 đồng để tiêu xài cá nhân, số tiền còn lại và card điện thoại bị cáo bỏ trong bịch nylon cất giấu trong rẫy thanh long gần nhà. Khi tự thú thì bị cáo lấy số tài sản chiếm đoạt ra kiểm đếm được tổng cộng 4.183.000 đồng (trong đó gồm 2.983.000 đồng tiền còn lại và 1.200.000 đồng tiền ban đầu bị cáo lấy tiêu xài) và 82 card điện thoại gồm các mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng và 100.000 đồng của các nhà mạng Mobifone, Vietnammobile, Vinafone, Viettel tổng trị giá dựa vào mệnh giá ghi trên card là 2.670.000 đồng; Theo lời trình bày của bị hại bà U thì tài sản bà bị mất tổng cộng khoảng 23.000.000 đồng (trong đó gồm 10.000.000 đồng tiền mới hốt huê để trong tủ quần áo, 10.000.000 đồng tiền bán tạp hóa trong ngày (gồm tiền nhiều mệnh giá khác nhau từ 1000 đồng đến 500.000 đồng) và một số card điện thoại của nhiều nhà mạng Mobifone, Vietnammobile, Vinafone, Viettel trị giá khoảng 3.000.000 đồng).

*Theo Kết luận định giá tài sản số: 27/KL - ĐGTS ngày 10/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L xác định: 07 card điện thoại

Mobifone, mệnh giá 50.000 đồng; 11 card điện thoại Mobifone, mệnh giá 20.000 đồng; 08 card điện thoại Vinafone, mệnh giá 50.000 đồng; 13 card điện thoại Vinafone, mệnh giá 20.000 đồng; 19 card điện thoại Viettel, mệnh giá 20.000 đồng, 12 card điện thoại Viettel, mệnh giá 50.000 đồng; 02 card điện thoại Viettel, mệnh giá 100.000 đồng; 02 card điện thoại Vietnammobile, mệnh giá 50.000 đồng; 08 card điện thoại Vietnammobile, mệnh giá 20.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 2.557.160 đồng.

Về vật chứng vụ án: Là số tiền 4.183.000 đồng và 82 card điện thoại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã trả lại cho bà Huỳnh Ngọc Như U theo biên bản giao nhận ngày 10/4/2020; 01 ổ khóa, 02 chìa khóa, 01 nón lá, 01 đôi bao tay, 01 nón kết, 01 váy chống nắng, 01 giỏ xách hiện đang được tạm giữ tại Chi cục THADS thị xã L có đặc điểm theo biên bản giao nhận ngày 24/6/2020.

Về dân sự: Bị hại vợ chồng bà U – ông C yêu cầu bị cáo V tiếp tục bồi thường số tiền 16.000.000 đồng.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L kết luận: Mặc dù biết việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên vào khoảng 20 giờ ngày 24/3/2020 tại thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã L, bị cáo Phan Ngọc V đã lén lút trộm cắp số tiền 4.183.000 đồng và 82 card điện thoại của các nhà mạng Mobifone, Vietnammobile, Vinafone, Viettel trị giá 2.557.160 đồng của vợ chồng bà U – ông C. Mặc dù, vợ chồng bà U – ông C cho rằng số tiền và card điện thoại bị mất tổng cộng là 23.000.000 đồng nhưng ngoài lời khai của vợ chồng bà U – ông C thì không có tài liệu nào khác để chứng minh. Như vậy, tổng số tài sản bị cáo V chiếm đoạt là 6.740.160 đồng.

Đồng thời đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân của bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng số: 58/CT-VKS ngày 23/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Phan Ngọc V, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Tuyên bố: Bị cáo Phan Ngọc V, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, r, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

*Xử phạt bị cáo Phan Ngọc V: Từ 09 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 đến 30 tháng.

- **Ý kiến của bị cáo Phan Ngọc V:** Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

- **Ý kiến của bà U:** Yêu cầu bị cáo V tiếp tục bồi thường số tiền 16.000.000 đồng.

* **Bị cáo Phan Ngọc V nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bị hại ông Nguyễn Đình C.

Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt bị hại ông Nguyễn Đình C không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Bị cáo V và bị hại vợ chồng bà U – ông C thống nhất về thời gian, không gian bị cáo chiếm đoạt tài sản nhưng về tài sản chiếm đoạt thì bị hại cho rằng số tiền và card điện thoại bị mất tổng cộng là 23.000.000 đồng, bị cáo trình bày tổng tài sản chiếm đoạt 6.740.160 đồng. Sau khi phân tích, đánh giá lời trình bày của bị cáo, bị hại đồng thời đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 20 giờ ngày 24/3/2020 tại thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã L, bị cáo Phan Ngọc V đã lén lút trộm cắp số tiền 4.183.000 đồng và 82 card điện thoại của các nhà mạng Mobifone, Vietnammobile, Vinafone, Viettel trị giá 2.557.160 đồng của vợ chồng bà U – ông C. Mặc dù, vợ chồng bà U – ông C cho rằng số tiền và card điện thoại bị mất tổng cộng là 23.000.000 đồng nhưng ngoài lời khai của vợ chồng bà U – ông C thì không có tài liệu nào khác để chứng minh. Như vậy, tổng số tài sản bị cáo V chiếm đoạt là 6.740.160 đồng.

Theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự thì: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới

2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”, đối chiếu quy định trên vào nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Phan Ngọc V về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Phan Ngọc V đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, do đó hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương và nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện tội phạm, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên tự nguyện đến Cơ quan CSĐT – Công an thị xã L để tự thú; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo thấy ăn năn nên khi tự thú đã trả lại số tiền 4.183.000 đồng và 82 card điện thoại cho bị hại; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được địa phương xác nhận, vợ mới sinh con nhỏ. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức được “Trộm cắp tài sản” của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích bản thân, bị cáo bất chấp, tuy nhiên sau khi thực hiện tội phạm bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình, tự nguyện đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã L để tự thú. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình giải quyết, bị cáo được cho tại ngoại và cũng không có vi phạm gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho địa phương quản lý, giáo dục cũng đảm bảo giáo dục cải tạo bị cáo và đạt được mục đích phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Là 01 ổ khóa, 02 chìa khóa, 01 nón lá, 01 đôi bao tay, 01 nón kết, 01 váy chống nắng, 01 giỏ xách cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về dân sự: Bị hại vợ chồng bà U – ông C cho rằng số tiền bị mất là 23.000.000 đồng, đã nhận lại 6.740.160 đồng, nên tiếp tục yêu cầu bị cáo V bồi thường 16.000.000 đồng. Do chỉ chứng minh được bị cáo chiếm đoạt số tiền 6.740.160 đồng nên yêu cầu trên của bị hại là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Phan Ngọc V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 173, điểm b, s, r, i khoản 1,2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự;

- Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Ngọc V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Ngọc V 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (11/8/2020).

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Phan Ngọc V cho UBND xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Về dân sự: Không chấp nhận yêu cầu của bị hại vợ chồng bà Huỳnh Ngọc Như U – ông Phan Đình C về việc yêu cầu bị cáo Phan Ngọc V bồi thường số tiền 16.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa, 02 chìa khóa, 01 nón lá, 01 đôi bao tay, 01 nón kết, 01 váy chống nắng, 01 giỏ xách (Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày

24/6/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã L và Chi cục thi hành án dân sự thị xã L).

Về án phí: Bị cáo Phan Ngọc V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**11/8/2020**). Riêng bị hại ông Nguyễn Đình C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn